CHÚA NGUYỄN HOÀNG
(1558-1613)
NGƯỜI ĐẶT NỀN MÓNG CHO QUÁ TRÌNH NAM TIẾN CỦA DÂN TỘC

Nguyễn Hoàng (1525-1613) là một nhân vật đặc biệt của lịch sử Việt Nam trong giai đoạn cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII. Ông được đánh giá là vị "Anh hùng mở cõi vĩ đại",[1] là người đặt nền móng cho cơ nghiệp của dòng họ Nguyễn ở đất phương Nam và cho sự hình thành của vùng đất Đàng Trong trong các thế kỷ XVI-XVIII. Với hơn nửa thế kỷ giữ cương vị là người đứng đầu vùng đất Thuận - Quảng, ông đã tạo nên những biến đổi sâu sắc toàn diện của vùng đất mới phía Nam Tổ quốc, tạo ra những cơ sở vững chắc để các đời chúa Nguyễn tiếp theo đẩy mạnh công cuộc Nam tiến, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, từ đó tạo nên một trung tâm mới của đất nước ở phía Nam: Huế-thủ phủ/ kinh đô của Đàng Trong; đồng thời đưa Đại Việt gần gũi, hòa hợp hơn với Đông Nam Á. Đặc biệt, trên phương diện kinh tế, Nguyễn Hoàng chính là người đã khơi thông hệ thống thương mại ở miền Trung Việt Nam, góp phần đưa nước ta hội nhập vào luồng thương mại quốc tế đang phát triển cực kỳ sôi động thời bấy giờ.

PHAN THANH HẢI

1. Nguyễn Hoàng và những bước khởi đầu

Tháng 10 năm Mậu Ngọ (10/11- 9/12/1558), Đoan quận công Nguyễn Hoàng vâng mệnh vua Lê vào trấn thủ đất Thuận Hóa, đi cùng với ông còn có cả một đoàn tùy tùng hơn một ngàn người bao gồm những người bộ khúc đồng hương ở Tống Sơn và nghĩa dũng xứ Thanh Hoa[2]. Đoàn quân của Nguyễn Hoàng đi đường biển, vào cửa Yên Việt (Cửa Việt), ngược sông Thạch Hãn đến đóng dinh ở vùng cát trắng Ái Tử huyện Vũ Xương (sau đổi thành Đăng Xương)[3].

Nguyễn Hoàng quê ở tại Gia Miêu ngoại trang, huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, xứ Thanh Hoa. Ông sinh ngày Bính Dần tháng 8 năm Ất Dậu (1525), là con trai thứ hai của Nguyễn Kim và bà Nguyễn Thị Mai, đây là một dòng dõi danh tiếng. Thân phụ Nguyễn Hoàng chính là người tìm ra Lê Ninh và đặt lên làm vua Lê Trang Tông, chính thức khôi phục triều Lê Trung Hưng (1533-1789). Vì công lao này, Nguyễn Kim được vua Lê phong chức Thượng phụ thái sư Hưng quốc công Chưởng nội ngoại sự. Ngày Tân Tỵ, tháng 5 năm Ất Tỵ (1545), Nguyễn Kim bị hàng tướng nhà Mạc là Dương Chấp Nhất đầu độc chết, thọ 78 tuổi, mộ táng tại núi Thiên Tôn, huyện Tống Sơn, xứ Thanh Hoa.

Nguyễn Hoàng tướng vai lân, lưng hổ, mắt phượng, trán rồng, thần thái khôi ngô, thông minh tài trí. Từ năm lên 2 tuổi, do Nguyễn Kim chạy sang Ai Lao nên ông được giao cho cậu ruột là Nguyễn Ư Dĩ (Kỷ) nuôi nấng, dạy dỗ. Ông được Nguyễn Ư Dĩ hết lòng bảo hộ và khuyến khích học hành, tu thân để lập nên nghiệp lớn. Khi trưởng thành, Nguyễn Hoàng làm quan triều Lê, được phong tước Hạ Khê hầu, sau vì quân công, ông được phong tước Đoan quận công. Ông từng chỉ huy quân đánh bại quân Mạc Phúc Hải (con trưởng của Mạc Đăng Dung), chém đầu tướng Trịnh Chí, được vua Lê khen: "thực là cha hổ sinh con hổ".

Sau khi Nguyễn Kim bị đầu độc chết, mọi quyền hành đều rơi vào tay người con rể là Trịnh Kiểm, từ đây mâu thuẫn giữa họ Trịnh và họ Nguyễn phát sinh. Anh trai của Nguyễn Hoàng là Tả tướng Lạng quận công Nguyễn Uông bị Trịnh Kiểm hại chết, Nguyễn Hoàng sợ bị nguy hiểm nên bàn với Nguyễn Ư Dĩ (Kỷ) cáo bệnh để Trịnh Kiểm khỏi nghi ngờ đồng thời suy tính cách lánh đi nơi khác để giữ mình.

Sau khi được Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm mách kế thoát thân[4], Nguyễn Hoàng đã nhờ chị ruột là Ngọc Bảo xin Trịnh Kiểm cho vào trấn thủ Thuận Hóa. Vua Lê đã chuẩn y, cho Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa, mọi việc đều giao cho ông tự quyết, hàng năm chỉ nộp thuế mà thôi.

Thuận Hóa thời bấy giờ bao gồm 2 phủ: Phủ Triệu Phong, gồm 6 huyện: Hải Lăng, Kim Trà, Võ Xương, Đan Điền, Tư Vinh và Điện Bàn (gồm 2 châu: Thuận Bình và Sa Bồn); phủ Tân Bình gồm 2 huyện và 2 châu: huyện Khang Lộc, huyện Lệ Thủy, châu Minh Linh và châu Bố Chánh; tất cả bao gồm 627 làng xã[5].

Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của Thuận Hóa lúc này rất phức tạp. Tuy đã thuộc về Đại Việt hơn 250 năm nhưng đây vẫn được xem là vùng biên viễn, nổi tiếng là xứ "Ô châu ác địa", nền kinh tế lạc hậu, chủ yếu dựa vào nông nghiệp và khai thác lâm thổ sản tự nhiên. Cư dân Thuận

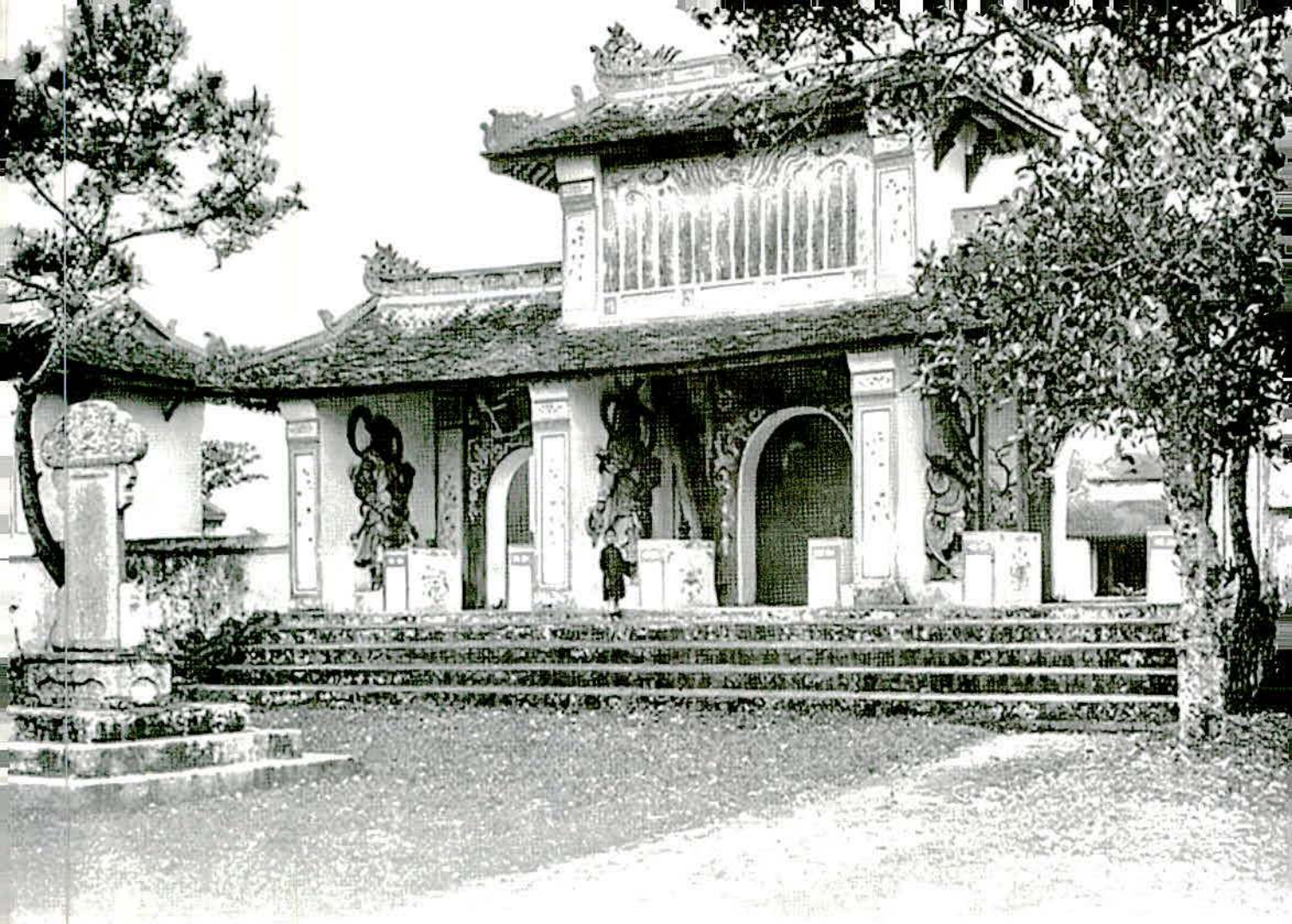

Chùa Thiên Mụ đầu thế kỷ XX. Ảnh: Tư liệu

Hóa bao gồm một bộ phận là cư dân bản địa Champa còn ở lại, di dân người Việt từ miền Bắc vào định cư làm ăn qua nhiều thời kỳ, những tù binh bị đưa đi đày, những loại trộm cướp, thảo khấu hoặc những đối tượng trốn tránh pháp luật, những quan quân bất mãn với họ Trịnh, những người còn ủng hộ họ Mạc, các loại thổ hào thổ tù ương ngạnh hay những nhiễu lương dân[6] và có cả một bộ phận người Hoa đã sang buôn bán và định cư tại đây...

Thuận Hóa mới được triều Lê Trung Hưng chiếm lại từ tay nhà Mạc trước đó, tổ chức bộ máy chính quyền còn rất lỏng lẻo. Triều Lê đã đặt chức quan Tam ty, gồm Đô ty, Thừa Ty, Hiến ty ở cấp trấn và các chức quan ở cấp phủ, huyện để cai trị nhưng lòng dân vẫn chưa tin phục.

Trong buổi đầu gian nan đó, Nguyễn Hoàng đã có chính sách cai trị rất khôn khéo: "Vỗ về quân dân, thu dùng hào kiệt, sưu thuế nhẹ nhàng". Ông đã nhanh chóng thu phục được lòng dân, được nhân dân tin yêu và tôn xưng là Chúa Tiên[7].

Với uy tín và tài đức của mình, Nguyễn Hoàng đã tập hợp được quanh ông nhiều nhân vật kiệt xuất, xuất thân từ nhiều thành phần khác nhau. Nổi bật trong số này là Nguyễn Ư Dĩ, Thái phó Uy quốc công của triều Lê, người đã nuôi nấng, dạy dỗ Nguyễn Hoàng trưởng thành; Thống binh Mạc Cảnh Huống, vốn là tôn thất nhà Mạc, em ruột của Khiêm vương Mạc Kính Điển; Luân quận công Tống Phước Trị, quan trấn thủ Thuận Hóa tiền nhiệm đã tình nguyện ở lại phục vụ dưới trướng Nguyễn Hoàng; Thiện vũ vệ Đô chỉ huy sứ Lương Văn Chánh[8]; Lương quận công Trương Công Gia[9]... Đây chính là những nhân tố quan trọng giúp chính quyền của Nguyễn Hoàng vững vàng và đạt được nhiều thành công trên vùng đất mới. Mặt khác, Nguyễn Hoàng lại có quan hệ tốt và sự hợp tác chặt chẽ với Trấn quận công Bùi Tá Hán, Trấn thủ Quảng Nam lúc bấy giờ nên giữ yên được mặt nam, có thể toàn tâm xây dựng, phát triển xứ Thuận Hóa[10].

Về phương pháp cai trị, trong mọi việc "Đoan quận công có uy lược, xét kỹ, nghiêm minh, không ai dám lừa dối" và sử dụng đường lối "chính trị khoan hòa, việc gì cũng thường làm ơn cho dân, dùng phép công bằng, răn giới bản bộ, cấm đoán kẻ hung dữ"[11]. Vì vậy, chỉ sau một thời gian ngắn, từ một vùng đất loạn lạc bất ổn, Thuận Hóa đã trở thành một chốn bình yên, phồn thịnh, thu hút lưu dân từ các nơi khác đổ về định cư làm ăn, nhất là cư dân vùng Thanh Nghệ[12]. "Bấy giờ chúa ở trấn hơn 10 năm, chính sự rộng rãi, quân lệnh nghiêm trang, nhân dân đều yên cư lạc nghiệp, chợ không hai giá, không có trộm cướp. Thuyền buôn các nước đến nhiều. Trấn trở nên một nơi đô hội lớn"[13].

Đạt được những thành công bước đầu trong cai trị vùng đất mới đã khiến uy tín của Nguyễn Hoàng đối với

triều đình Lê- Trịnh lên rất cao. Tháng 9 năm Kỷ Tỵ (10/10-8/11/1569), Nguyễn Hoàng ra Thanh Hoa để yết kiến vua Lê tại hành cung Khoa Trường. Đây là dịp ông gặp gỡ, vận động Trịnh Kiểm ủng hộ mình, và ông đã thành công. Trịnh Kiểm đã xin vua Lê cho Nguyễn Hoàng kiêm lãnh chức trấn thủ Quảng Nam.

2. Nguyễn Hoàng với vai trò là Tổng trấn vùng đất Thuận Quảng

Tháng Giêng năm Canh Ngọ (5/2- 6/3/ 1570), Nguyễn Hoàng từ Tây Đô trở về Thuận Hóa, ông cho dời dinh phủ từ Ái Tử sang địa phận làng Trà Bát (cùng thuộc huyện Đăng Xương). Cũng năm này vua Lê triệu hồi Tổng binh Quảng Nam là Nguyễn Bá Quýnh về trấn thủ Nghệ An, chính thức cho Nguyễn Hoàng kiêm lãnh chức trấn thủ Quảng Nam.

Thuận – Quảng lúc này là vùng đất rất rộng lớn, kéo dài từ Quảng Bình đến hết đất Bình Định hiện nay.

Trấn Thuận Hóa bao gồm 2 phủ, 9 huyện, 3 châu: Phủ Tiên Bình (trước là Tân Bình) có 3 huyện: Khang Lộc, Lệ Thủy, Minh Linh và 1 châu Bố Chánh; phủ Triệu Phong có 6 huyện: Vũ Xương, Hải Lăng, Quảng Điền (trước là Đan Điền), Hương Trà (trước là Kim Trà), Phú Vang (xưa là Tư Vang), Điện Bàn; 2 châu là Thuận Bình và Sa Bồn.

Trấn Quảng Nam có 3 phủ 9 huyện: Phủ Thăng Hoa có 3 huyện: Lê Giang, Hà Đông và Hy Giang; phủ Tư Nghĩa có 3 huyện: Bình Sơn, Mộ Hoa và Nghĩa Giang; phủ Hoài Nhân có 3 huyện: Bồng Sơn, Phù Ly và Tuy Viễn[14].

Từ đây, Nguyễn Hoàng đeo ấn Tổng trấn tướng quân, đặt quân hiệu là Dinh Hùng Nghĩa.

Tuy được toàn quyền quyết định mọi việc ở Thuận Quảng, nhưng Nguyễn Hoàng vẫn duy trì bộ máy cai trị cũ của triều Lê[15], nhưng đặt bên dưới bộ chỉ huy mang tính chất quân sự do ông đứng đầu. Đối với các chức vụ, vị trí quan trọng trong quân đội, Nguyễn Hoàng đều sử dụng người bản bộ Tống Sơn (Thanh Hóa) với nhiều chế độ biệt đãi, đây là những người dũng cảm, trung thành và quyết tâm theo ông vào Nam dựng nghiệp. Chính sách này của Nguyễn Hoàng vẫn được các đời chúa Nguyễn về sau kế tục nhằm đảm bảo xây dựng một quân đội luôn trung thành với chúa Nguyễn. Đứng đầu tại các địa phương cấp dinh (tương đương cấp phủ) đều có một viên tướng quân đội chỉ huy mọi việc (Chưởng cơ, Chưởng dinh), bộ máy chính quyền địa phương thì lo các công việc hành chính để hỗ trợ.

Nguyễn Hoàng đặc biệt chú ý đến việc an dân bằng chính sách thuế khóa nhẹ nhàng, hợp lý. Chính sách ấy cũng nhằm thu hút, chiêu tập nhân dân xiêu tán các nơi, đặc biệt là từ vùng Thanh Nghệ vào Thuận Quảng lập làng xã mới, tạo điều kiện cho họ định cư, khai hoang mở đất, phát triển nông nghiệp và các vùng nguyên liệu. Liên tiếp trong nhiều năm, vùng Thuận Quảng đều được mùa lớn, nhân dân no ấm, kinh tế phát triển, chính quyền vững mạnh. Đối với chính quyền vua Lê -chúa Trịnh, Nguyễn Hoàng luôn thể hiện nghĩa vụ đầy đủ, đóng thuế và các khoản đóng góp hàng năm theo quy định. Vì thế, vị thế chính trị và uy tín của Nguyễn Hoàng ngày càng cao.

Với tiềm lực quân sự ngày càng mạnh mẽ cùng sự ủng hộ của quân dân Thuận Quảng, Nguyễn Hoàng đã lần lượt đánh bại các thế lực chống đối thù địch bên trong và bên ngoài. Năm Tân Mùi (1571), ông đánh tan cuộc tấn công của Mỹ Lương, tay chân của họ Trịnh[16]. Cũng trong năm này, Nguyễn Hoàng dẹp yên cuộc nổi loạn của các thổ tù ở Quảng Nam, sai thuộc tướng Mai Đình Dũng sau khi hoàn thành nhiệm vụ quân sự ở lại thu phục và vỗ yên dân chúng. Năm Nhâm Thân (1572), Nguyễn Hoàng đánh bại tướng nhà Mạc Lập Bạo, bắt sống hàng ngàn tù binh. Năm Mậu Dần (1578), Nguyễn Hoàng sai Lương Văn Chánh đánh đuổi quân Champa xâm nhập biên giới phía Nam, lấy Hồ thành, sau đó chiêu tập dân cư, lập chia thôn ấp, khai phá mở rộng vùng đất mới[17]. Năm Ất Dậu (1885), Nguyễn Hoàng sai Nguyễn (Phúc) Nguyên[18] chỉ huy đội thuyền chiến đánh tan đội quân cướp biển của Bạch Tẫn Hiển Quý, từ đó dẹp yên nạn hải phỉ ở các cửa biển Đàng Trong.

Đánh giá cao sự đóng góp và năng lực của Nguyễn Hoàng, tháng 2 năm Quý Dậu (4/3- 1/4/1573), vua Lê sai sứ đem sắc vào tấn phong ông làm Thái phó, đồng thời lệnh cho trữ thóc gạo để sẵn lương ở biên giới, còn số tiền sai dư thì hàng năm nộp thay bằng 400 cân bạc và 500 tấm lụa[19].

Bấy giờ thuế ruộng ở Thuận Quảng vẫn chưa có định ngạch cụ thể, hàng năm cứ xong vụ gặt, chính quyền sẽ chiếu theo số ruộng đất thực tế đã cày cấy để thu thuế. Tháng 3 năm Bính Tuất (19/ 4 – 17/5/1586), nhà Lê sai Hiến sát sứ Nguyễn Tạo vào khám đạc để thu thuế ở Thuận Quảng, Nguyễn Hoàng đã đón tiếp rất nồng hậu. Nguyễn Tạo rất cảm phục, vì thế không đi khám đạc nữa mà cho các phủ huyện tự làm sổ kê khai, rồi đem sổ sách về[20].

Tuy nhiên, sau đó, Nguyễn Hoàng đã cho đo đạc ruộng đất, lập nên sổ địa bạ rõ ràng minh bạch để tiện cho việc quản lý và thu thuế[21].

Tháng 5 năm Quý Tỵ (30/5-28/6/1593), sau khi quân đội Lê -Trịnh đánh bại nhà Mạc, chiếm được Đông Đô, Nguyễn Hoàng đem quân lương binh thuyền ra yết kiến. Vua Lê đã khen: "Ông trấn thủ hai xứ, dân nhờ được yên, công ấy rất lớn", sau đó phong Nguyễn Hoàng làm Trung quân đô đốc phủ Tả đô đốc Chưởng phủ sự Thái úy Đoan quốc công[22].

Nguyễn Hoàng đã ở lại miền Bắc trong gần 8 năm (1593-1600) để giúp chính quyền Lê -Trịnh đánh dẹp tàn quân nhà Mạc. Trong thời gian này ông vẫn kiêm lãnh hai trấn Thuận Quảng nhưng mọi việc cụ thể tại đây thì giao cho con trai thứ sáu là Nguyễn (Phúc) Nguyên điều hành.

Trong thời gian ở lại miền Bắc, Nguyễn Hoàng đã lập nhiều công lớn trong việc giúp nhà Lê đánh bại các cuộc phản kích của quân đội Mạc và một số cuộc nổi dậy khác. Ông cũng tham gia tổ chức đợt thi tiến sỹ năm Ất Mùi (1595) của triều Lê với vai trò là Đề điệu; tham gia việc giao thiệp với nhà Minh để nối lại mối quan hệ giữa hai nước vào các năm 1596, 1597. Vì những công lao này, năm Kỷ Hợi (1599), ông được vua Lê phong chức Hữu tướng.

Với thời gian gần 8 năm ở bên cạnh triều đình Lê- Trịnh, Nguyễn Hoàng thêm hiểu rõ bản chất trì trệ, bảo thủ của triều đại này cùng sự lộng hành ngày càng quá quắt của họ Trịnh[23], từ đó ông đã quyết tâm quay trở lại Thuận Hóa. Tháng 5 năm Canh Tý (11/6- 9/7/1600), nhân được vua Lê

cử đi trấn áp cuộc nổi dậy của Phan Ngạn, Ngô Đình Nga và Bùi Văn Khuê ở cửa Đại An (Nam Định), Nguyễn Hoàng đã đem toàn bộ ghe thuyền, tướng sĩ bản bộ đi đường biển vào Thuận Hóa, để lại con trai là Hải, cháu nội là Hắc làm con tin[24].

3. Nguyễn Hoàng với mưu đồ hùng cứ vùng đất phương Nam

Sau khi trở lại Thuận Hóa, Nguyễn Hoàng cho dời dinh từ Trà Bát sang phía đông dinh Ái Tử, gọi là dinh Cát[25]. Từ đây, chúa Tiên càng quyết tâm xây dựng cơ đồ riêng cho ông và dòng họ Nguyễn. Năm Tân Sửu (1601), sau chuyến khảo sát vào phía Nam, Nguyễn Hoàng đã cho đặt kho thóc ở Thuận Hóa, dựng chùa Thiên Mụ ở xã Hà Khê; năm sau (1602), ông cho trùng kiến chùa Sùng Hóa. Đối với đất Quảng Nam, Nguyễn Hoàng đánh giá rất cao và luôn chú ý mở mang, phát triển, vì đây là nơi "đất tốt, dân đông, sản vật giàu có, số thuế nộp vào nhiều hơn Thuận Hóa mà số quân thì cũng bằng quá nửa". Trong năm này, ông cho lập dinh Quảng Nam, đặt lỵ sở ở xã Cần Húc (huyện Duy Xuyên), xây dựng kho tàng chứa lương thực, dựng chùa Long Hưng ở phía đông rồi sai người con trai mà ông tin cậy nhất là Nguyễn Phúc Nguyên trấn thủ tại đây.

Nguyễn Hoàng cũng thực hiện việc sắp xếp lại địa giới hành chính hai trấn Thuận Hóa và Quảng Nam. Năm Giáp Thìn (1604), lập phủ Điện Bàn (vốn là huyện Điện Bàn tách ra từ phủ Triệu Phong thuộc trấn Thuận Hóa) quản 5 huyện: Tân Phúc, An Nông, Hòa Vang, Diên Khánh và Phú Châu, cho trực thuộc vào trấn Quảng Nam; đổi tên phủ Tiên Bình thành phủ Quảng Bình, phủ Tư Ngãi thành phủ Quảng Ngãi, huyện Lê Giang (thuộc phủ Thăng Hoa, đổi lại thành phủ Thăng Bình) thành huyện Lễ Dương, huyện Hy Giang thành huyện Duy Xuyên[26].

Nguyễn Hoàng cũng đặc biệt chú ý phát triển kinh tế hàng hóa và ngoại thương. Ông đã áp dụng những chính sách để phục hưng các luồng thương mại nội địa và quốc tế, tăng cường hoạt động khai thác lâm thổ sản đặc trưng của các địa phương, chủ động tạo ra những vùng nguyên liệu phục vụ xuất khẩu. Nguyễn Hoàng có công lao to lớn trong việc đặt nền móng để xây dựng và phát triển nền thương mại của Đàng Trong góp phần đưa Việt Nam hội nhập vào kỷ nguyên thương mại châu Á phát triển cực kỳ sôi động trong các thế kỷ XVI-XVII.

3.1. Tổ chức quân đội để bảo vệ và mở rộng vùng đất

Năm 1558, khi vào trấn thủ Thuận Hóa, Nguyễn Hoàng đã đem theo một đội quân khá hùng hậu bao gồm những người thân thích, nghĩa dũng xứ Thanh Hoa, các tướng quân đội như Văn Nham, Thạch Xuyên, Tiền Trung, Tường Lộc cùng hơn 1000 thủy quân[27]. Đây chính là lực lượng nòng cốt của quân đội chúa Tiên trong thuở ban đầu.

Nguyễn Hoàng đã từng bước tổ chức và phát triển lực lượng quân đội một cách quy củ để bảo vệ vùng đất mới, nhưng trước hết, ông chú trọng việc thu phục lòng dân và sử dụng sức mạnh của binh dân trong việc phòng thủ nhiều vị trí xung yếu ở Thuận Hóa, và sau đó là Thuận Quảng. Tháng 10 năm Canh Thân (19/10- 17/11/1560), Nguyễn Hoàng bắt đầu xây dựng đồn lũy và cắt đặt dân binh để phòng vệ các cửa biển[28]. Ông cũng đặt ra quy chế các làng phụ lũy (bồi đắp thành lũy) để bảo vệ mặt biển, từ đó hình thành nên các làng tại cửa biển chuyên lo công việc này giúp nhà chúa, như làng phụ lũy An Dương tại Cửa Eo, làng phụ lũy Phụ An tại cửa biển Tư Hiền[29]...

Nhờ thu phục được lòng dân, Nguyễn Hoàng đã dành được sự hỗ trợ rất lớn của nhân dân nhiều làng xã Thuận Hóa trong các trận chiến chống lại cuộc tấn công của Mỹ Lương năm 1571, của tướng nhà Mạc Lập Bạo năm 1572. Sau khi thắng trận, ông đã đền ơn xứng đáng cho các làng có công, như cho dân làng chài An Ba (dinh Quảng Bình) định cư lập nên làng An Đôi (sau đổi thành làng An Bằng) ở ven biển Tư Hiền và được quyền khai thác thông thương trên sông Hương, đánh cá ngoài biển. Các làng có công phò giá cũng được đền ơn cho khai thác, chiếm lĩnh mặt nước đầm phá như làng Bác Vọng, Thủy Bạn, Hà Thanh, Hà Trung, Tăng Sà...

Về sau, chính các làng chài ven đầm phá, ven biển này được trưng tập vào lực lượng thủy quân của chúa Nguyễn, như các thuyền Gia Nhất, Gia Nhị, Gia Tam có lực lượng nòng cốt là dân chài làng An Truyền; thuyền Bác Vọng Nhất, Bác Vọng Nhị là dân làng Bác Vọng (huyện Quảng Điền); thuyền Nam Phù Nhất, Nam Phù Nhị là dân làng Nam Phù (huyện Quảng Điền); thuyền Nghi Giang Nhất, Nghi Giang Nhị là dân làng Nghi Giang (huyện Phú Vang); thuyền Hải Châu là dân làng Hải Châu ven sông Hàn (Đà Nẵng); thuyền An Triền là dân làng An Triền nay là làng Hòa Viện (huyện Phong Điền); thuyền Thủy Tú là dân làng Thủy Tú (huyện Hương Trà); thuyền Phú Lương là dân làng Phú Lương (huyện Quảng Điền); thuyền Cừ Hà là dân làng Cừ Hà (Bảo Ninh, Đồng Hới)...

Dân các làng ven biển vốn thông thuộc đường biển thì được tổ chức vào các đội Thủy sai như các thuyền An Náu, Lý Hòa, Thanh Hà... (cư dân các làng ở Quảng Bình)[30].

Tổ chức quân đội chính quy thời Nguyễn Hoàng có đủ cả Tượng binh, Bộ binh, Thủy binh, Pháo binh, nhưng Thủy binh là quan trọng nhất. Do đặc điểm của Đàng Trong: nhiều dòng sông, nhiều cảng biển và cả vùng đầm phá mênh mông nên Nguyễn Hoàng rất chú trọng đến lực lượng thủy binh, vả lại lực lượng nòng cốt ban đầu trong quân đội chúa Tiên cũng là thủy binh.

Thủy binh là lực lượng kết hợp nhiều loại binh chủng, bao gồm cả pháo binh và bộ binh. Hầu hết các thuyền chiến của quân đội Đàng Trong đều trang bị trọng pháo (Thần công). Vũ khí của quân đội Nguyễn Hoàng được trang bị rất tốt, do chủ yếu nhờ nhập khẩu từ Nhật Bản, Bồ Đào Nha. Các loại kiếm, đao và thuốc súng mua từ thương thuyền của Nhật Bản; đại bác thì mua của Bồ Đào Nha, và về sau, chúa Nguyễn đã cho lập cơ sở đúc súng thần công tại Thuận Hóa với sự giúp đỡ của Joao da Cruz, một người Bồ Đào Nha lai Ấn Độ[31].

Đơn vị cơ bản của quân đội chúa Nguyễn lúc đó là thuyền, mỗi thuyền được biên chế tùy theo yêu cầu, có thể từ 50 đến 100 người và có tên riêng, như thuyền Thắng Nhất, Thắng Nhị, Bác Vọng Nhất, Bác Vọng Nhị... Lúc cao điểm, quân đội chúa Nguyễn có cả hàng trăm thuyền, tổng quân số lên tới hàng vạn người.

Quân đội được chia làm 3 loại: Quân Túc vệ (hay Trung

nghĩa quân), chỉ tuyển người gốc Thanh Hóa, cùng quê với Nguyễn Hoàng, đây là lực lượng bảo vệ thủ phủ; Chính binh, là quân đồn trú tại các dinh trấn; và Thổ binh, là lực lượng chủ yếu tập trung ở phía nam để bảo vệ bờ cõi và thực hiện việc chinh phục đất đai[32].

Để đảm bảo xây dựng một quân đội trung thành tuyệt đối với mình, chính quyền Nguyễn Hoàng chỉ sử dụng những người tin cẩn, cùng quê hương Tống Sơn, Thanh Hóa cho những chức vụ quan trọng trong quân đội như Chưởng cơ, Chưởng dinh, Cai cơ, Cai đội... Họ được trọng dụng và được hưởng nhiều chế độ biệt đãi.

Từ lực lượng ban đầu chỉ có hơn một ngàn người, quân đội Nguyễn Hoàng đã phát triển nhanh chóng, trở thành một công cụ mạnh mẽ để bảo vệ chính quyền, trấn áp các thế lực thù địch và mở mang bờ cõi.

Tháng 7 năm Tân Mùi (20/8- 19/9/1571), Nguyễn Hoàng chỉ huy quân đội đánh tan cuộc tấn công của Mỹ Lương, Văn Lan và Nghĩa Sơn.

Cũng trong mùa thu năm này, tại xứ Quảng Nam, các thổ mục nhiều nơi nổi loạn, tấn công chém giết lẫn nhau khiến tình hình trở nên phức tạp. Nguyễn Hoàng đã sai thuộc tướng Mai Đình Dũng[33] đem quân trấn áp, sau khi dẹp yên loạn các thổ mục, Mai Đình Dũng đã được chúa Tiên tin tưởng giao cho ở lại trấn giữ đất, vỗ về dân chúng, xứ Quảng Nam vì thế dần trở nên yên ổn.

Mùa thu năm Nhâm Thân (1572), Nguyễn Hoàng lập chiến công lớn, đánh bại cuộc tấn công của tướng nhà Mạc là Lập Bạo. Ông đã thực hiện chính sách khoan hồng, tha bổng cho toàn bộ số tù binh gồm khoảng ba ngàn người bắt được trong trận chiến này, sau đó đưa họ lên khai phá đất đai, lập thành 36 phường của tổng Bái Ân ở vùng Cồn Tiên, chuyên trồng hồ tiêu, chè, sơn, dầu rái[34].

Năm Mậu Dần (1578), nhân việc quân Champa quấy nhiễu vùng biên giới phía Nam, Nguyễn Hoàng sai Lương Văn Chánh (đương giữ chức An trấn biên huyện Tuy Viễn) mang quân đi đánh dẹp. Lương Văn Chánh đã tiến quân đến sông Đà Rằng, hạ thành An Nghiệp (thành Hồ), đẩy quân Champa về bên kia biên giới[35]. Sau đó, ông đã chiêu tập lưu dân (phần nhiều là cư dân có quê quán ở Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh), tổ chức khai phá đất đai, lập thôn làng trên vùng đất mới, suốt một dải đến Cù Mông, Bà Đài và dọc theo sông Đà Rằng. Đến năm 1597, Nguyễn Hoàng lại có chỉ dụ cho Lương Văn Chánh tiếp tục mộ dân khai phá đất đai, lập thôn xã mới suốt từ vùng rừng núi đến miền biển của các xứ Cù Mông, Bà Đài, Bà Diễn, Đà Niễu[36]. Lương Văn Chánh đã gắn bó với vùng đất này cho đến cuối đời và đã thực sự đặt nền tảng cho công cuộc Nam tiến của các chúa Nguyễn sau đó[37]...

Năm Tân Hợi (1611), quân Champa lại xâm phạm biên giới, Nguyễn Hoàng sai Chủ sự là Văn Phong đem quân đi đánh dẹp. Văn Phong đánh bại quân Champa do vua Po Nit (1603-1613) chỉ huy, tiến vào chiếm trọn lãnh thổ của tiểu quốc Hoa Anh vốn trước đó đã có cư dân Việt đến định cư, lập làng xã. Vùng đất mới được đổi tên thành phủ Phú Yên, gồm hai huyện Đồng Xuân và Tuy Hòa. Văn Phong được bổ chức Lưu thủ Phú Yên[38].

Như vậy, với việc xóa bỏ tiểu quốc Hoa Anh, lập phủ Phú Yên, Nguyễn Hoàng đã thực hiện thành công bước đi đầu tiên của quá trình Nam tiến thời các chúa Nguyễn, mở rộng lãnh thổ Đại Việt về phía Nam, tạo thêm tiềm lực và cơ hội phát triển cho Đàng Trong.

Nguyễn Hoàng cũng đặc biệt quan tâm phát triển về đông, hướng ra biển để khai chiếm, xác lập chủ quyền đối với các đảo ven bờ và hướng đến hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Bản thân Nguyễn Hoàng khi vào trấn nhận đất Thuận Hóa (1558), và cả những lần sau này khi trở về Thuận Hóa (1570, 1600), đều sử dụng đường biển nên ông hiểu rõ vai trò quan trọng của các tuyến giao thông trên biển và tầm quan trọng của việc phòng thủ các cửa biển. Vì vậy, Nguyễn Hoàng vừa chăm lo xây dựng, phát triển thủy quân, vừa tăng cường phòng vệ các cửa biển xung yếu, đồng thời chú ý ngăn chặn, tiêu diệt hải phỉ (cướp biển).

Trong giai đoạn cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII, song song với sự phát triển của ngoại thương là sự bùng nổ của nạn hải phỉ ở khu vực biển Đông Nam Á, trong đó hoạt động mạnh nhất là cướp biển Trung Quốc và Nhật Bản.

Năm Ất Dậu (1585), một thương nhân kiêm cướp biển người Nhật Bản là Bạch Tân Hiến Quý (Shirahama Kenki) đi một đoàn gồm 5 chiếc tàu lớn vào đậu tại Cửa Việt, tiến hành cướp bóc ven biển. Nguyễn Hoàng sai con trai thứ sáu là Nguyễn (Phúc) Nguyên chỉ huy một đội gồm hơn 10 chiếc thuyền chiến đến Cửa Việt. Nguyễn (Phúc) Nguyên đã tấn công đốt cháy 2 chiếc tàu của cướp biển Nhật Bản, khiến Bạch Tân Hiến Quý phải tháo chạy. Nạn hải phỉ ở vùng biển Đàng Trong từ đó cũng được dẹp yên[39].

Trong thời gian gần 8 năm ở miền Bắc giúp chính quyền Lê -Trịnh đánh dẹp tàn quân nhà Mạc, đoàn quân bản bộ được trang bị tối tân của Nguyễn Hoàng đã thể hiện sự thiện chiến và sức mạnh vượt trội so với đối phương. Nguyễn Hoàng đã đánh thắng ở tất cả mọi trận chiến, kể cả những trận tướng chỉ huy của triều Lê Trịnh không thể nào thắng được. Điều đó không chỉ thể hiện tài năng quân sự của Nguyễn Hoàng mà còn cho thấy lực lượng quân đội của ông đã được trang bị tốt hơn hẳn so với các lực lượng khác.

3.2. Xây dựng và phát triển kinh tế Thuận Quảng

Phục hồi, ổn định và phát triển sản xuất nông nghiệp, phát triển các vùng nguyên liệu và khai thác lâm thổ sản để xuất khẩu

Ngay từ khi mới vào trấn thủ Thuận Hóa, Nguyễn Hoàng đã quan tâm phục hồi, ổn định và phát triển sản xuất nông nghiệp để an dân và xây dựng tiềm lực cho vùng đất mới. Sau khi kiêm quản thêm trấn Quảng Nam, ông càng chăm lo phát triển nông nghiệp, khai phá thêm các vùng đất mới, đặc biệt là các vùng nguyên liệu và khai thác lâm thổ sản để xuất khẩu.

Tuy ưu tiên cho phát triển ngoại thương, nhưng Nguyễn Hoàng vẫn quan tâm đến việc ổn định và phát triển nông nghiệp, quan tâm đến cuộc sống của nông dân vì họ vẫn là lực lượng chính ủng hộ ông trên vùng đất mới. Chính Nguyễn Hoàng là người đầu tiên sáng tạo ra một phương thức kinh tế mới cho Thuận Hóa và Đàng Trong sau này: kết hợp giữa kinh tế nông nghiệp sản xuất lúa nước truyền thống của di dân người Việt vốn phát triển theo trục bắc-nam và kinh tế trao đổi hàng hóa men theo các dòng sông ra cửa biển theo trục đông-tây của cư dân Champa bản địa.

Và kết quả của sự sáng tạo này cũng là nguyên nhân quan trọng nhất khiến cho Thuận Quảng chỉ sau một thời gian ngắn đã có bước phát triển đột phá, từ một vùng đất biên viễn hoang sơ lạc hậu đã nhanh chóng trở thành một vùng đất giàu có, ổn định với tiềm lực kinh tế mạnh mẽ[40].

Thuận Hóa nói riêng và Thuận Quảng nói chung trong buổi đầu cư dân còn khá thưa thớt lại còn thường xuyên bị lưu tán do chiến tranh và các biến động lịch sử. Nguyễn Hoàng đã tìm cách chiêu tập dân cư (bao gồm cả cư dân từ Đàng Ngoài lánh nạn chiến tranh hay do nạn đói chạy vào), tạo điều kiện để nhân dân khai hoang, mở đất, lập các làng xã mới. Chính vì vậy mà số làng xã ở Đàng Trong đã phát triển rất nhanh, vùng đồng bằng ven biển dân cư ngày càng trù mật[41].

Sau khi tiếp quản cả xứ Quảng Nam (từ năm 1570), Nguyễn Hoàng càng chú trọng đẩy mạnh việc khai phá vùng đất phía Nam. Tiếp tục thực hiện các chính sách có từ thời Bùi Tá Hán trấn thủ đất Quảng Nam, Nguyễn Hoàng đã sai Mai Đình Dũng, Huỳnh Công Thiệu[42], Lương Văn Chánh chiêu tập dân cư khai phá đất hoang, lập làng xã mới suốt từ đất Quảng Nam, Quảng Ngãi qua vùng Bình Định, Phú Yên.

Bên cạnh đó, Nguyễn Hoàng còn đặc biệt chú ý đến việc phát triển các nghề thủ công trong các làng xã nông nghiệp để tạo nên các thương phẩm đặc trưng của từng vùng, phục vụ buôn bán, xuất khẩu[43].

Lâm thổ sản trong đó tiêu biểu là hương liệu vốn là những mặt hàng nổi tiếng của đất Thuận Hóa từ lâu đời. Trong *Ô châu cận lục*, Dương Văn An đã từng kê mức thuế hàng năm nộp bằng sản vật của các huyện thuộc Thuận Hóa hết sức phong phú, chẳng hạn tại phủ Tân Bình: Huyện Hải Lăng: Ngà voi 280 cân, trầm hương 50 cân, tốc hương 50 cân, bạch mộc hương 180 cân, biện hương 100 cân, nhựa thông 960 cân... Huyện Kim Trà: Ngà voi 300 cân, sừng tê 96 cân, trầm hương 212 cân, tốc hương 124 cân, biện hương 100 cân, nhựa thông 1800 cân, bạch mộc hương 756 cân, hồ tiêu 1800 lạng... Huyện Đan Điền: Ngà voi 60 cân, trầm hương 50 cân, tốc hương 116 cân, tô nhũ hương 108 cân, bạch mộc hương 840 cân, biện hương 84 cân, nhựa thông 1920 cân[44]... Sau khi vào trấn thủ Thuận Hóa, và sau đó kiêm quản cả Quảng Nam, Nguyễn Hoàng càng chú ý khai thác lợi thế này, hệ thống thương mại ven sông ra biển theo chiều đông tây chính là nhằm khai thác nguồn lợi trên, tạo nên những "con đường hương liệu" lan tỏa khắp mọi nơi.

Đặc biệt, gắn liền với việc khai hoang, mở đất lập làng xã mới, Nguyễn Hoàng còn chú ý đến việc xây dựng và phát triển các vùng cung cấp nguyên liệu/ hương liệu để xuất khẩu. Năm 1572, sau khi đánh bại cuộc tấn công của tướng Lập Bạo của nhà Mạc, ông đã đưa hàng ngàn tù binh bắt được lên vùng Cồn Tiên để lập nên 36 phường của tổng Bái Trời (Bái Ân). Chính những tù binh chiến tranh này đã lập công chuộc tội bằng việc xây dựng nên những đồn điền trù phú- một vùng sản xuất hồ tiêu, đầu trấu, dầu sơn nổi tiếng của Đàng Trong. Đây cũng chính là những sản phẩm được thương lái nước ngoài rất ưa chuộng, là mặt hàng rất được giá của chúa Tiên. Riêng hồ tiêu, với hai loại tiêu trắng và tiêu đen đã trở thành một thương phẩm đặc biệt của Thuận Hóa hồi bấy giờ.

Như vậy là, không chỉ biết khai thác lợi thế có sẵn của vùng đất về lâm thổ sản tự nhiên, mà Nguyễn Hoàng còn chủ động xây dựng, phát triển các vùng sản xuất, cung cấp nguyên liệu để phục vụ xuất khẩu. Đây dường như là một việc làm chưa có tiền lệ trong lịch sử phát triển kinh tế của các triều đại quân chủ ở Việt Nam.

Phát hiện, kế thừa và phục hưng hệ thống thương mại ven sông ra cửa biển theo trục đông- tây của cư dân Chămpa cổ

Một trong những điểm cần nhấn mạnh trong tư duy phát triển kinh tế của Nguyễn Hoàng là việc phát hiện và kế thừa và phục hưng hệ thống buôn bán thương mại ven sông ra biển theo trục đông-tây của cư dân Champa. Đây là hệ thống kinh tế được hình thành rất sớm, xuất phát từ đặc điểm của địa hình miền Trung và tập quán kinh tế của cư dân bản địa.

Với chính sách cai trị của Nguyễn Hoàng, Thuận Hóa và từ năm 1570 về sau là Thuận- Quảng, nền kinh tế hàng hóa đã phát triển mạnh mẽ thể hiện qua sự phục hưng cả một hệ thống cảng biển/ cảng sông từ Quảng Bình đến Bình Định như Cửa Tùng, Cửa Việt, Mai Xá, Phó Hội, Cửa Eo, Thanh Hà, cửa Tư Dung, Cửa Hàn, Cửa Đại (Hội An), Thi Nại..vv. Bên cạnh đó, một mạng lưới chợ đầu mối, chợ phiên đã mọc lên khắp nơi tại các khu vực bến sông hay các tuyến đường bộ kết nối giữa khu vực rừng núi phía tây và đồng bằng ven biển phía đông để trao đổi, thu gom các hàng hóa, lâm thổ sản địa phương đưa về cảng thị phục vụ xuất khẩu.

Riêng tại Quảng Trị, nơi chúa Tiên Nguyễn Hoàng đóng dinh phủ đã có đến 4 tuyến giao thương quan trọng kết hợp giữa đường bộ và đường thủy, trong đó:

Tuyến Cửa Việt-Cam Lộ- Ai Lao và tuyến Cửa Việt- Dinh Cát/ Trà Bát/ Ái Tử là 2 tuyến mậu dịch quan trọng nhất. Đây cũng chính là lí do cắt nghĩa tại sao, trong suốt 56 năm cai trị ở Thuận Hóa và Đàng Trong, Nguyễn Hoàng lại đóng dinh phủ tại khu vực này[45].

Các tuyến thương mại kết nối theo chiều đông tây dọc theo các tuyến sông Bồ, sông Hương, sông Thu Bồn, sông Cả... của Thuận Quảng cũng phục hưng và phát triển mạnh mẽ. Trong thời kỳ chúa Tiên, ngoài sự phát triển phồn thịnh của hệ thống cảng Cửa Việt- Ái Tử/Trà Bát/ Dinh Cát ở Chính dinh thì quan trọng nhất là sự phục hưng và phát triển mạnh mẽ của tuyến thương mại Cửa Đại - Hội An/Faifo/Hải Phố. Hội An trở thành cảng quốc tế lớn nhất ở Đàng Trong, là "hải cảng đẹp nhất, nơi tất cả các người ngoại quốc đều tới và cũng là nơi có hội chợ danh tiếng"[46].

Chủ động mời gọi thương nhân nước ngoài (đặc biệt là Nhật Bản) đến trao đổi buôn bán

Nhận thức được vai trò to lớn của ngoại thương trong việc phát triển nền kinh tế, thay đổi cục diện tình hình của Thuận Quảng, đảm bảo cho sự tồn vong của chính mình, Nguyễn Hoàng không chỉ mạnh dạn kế thừa và phục hưng nền kinh tế hàng hóa thông qua việc ổn định sản xuất, xây dựng vùng nguyên liệu, khơi thông hệ thống thương mại nội địa theo chiều đông tây từ vùng rừng núi ra biển theo các tuyến sông mà ông còn chủ động mời gọi thương nhân

Nơi thờ vọng, nhà bia và bia ở chân núi Triệu Tường ngày hội kỷ niệm 450 năm (1558-2008) chúa Nguyễn Hoàng vào Nam mở cõi

nước ngoài đến Đàng Trong mua bán, trao đổi.

Trong thời kỳ kỷ nguyên thương mại châu Á, thương nhân từ các quốc gia phương Tây đã ào ạt đổ qua các nước phương Đông để tìm hàng hóa, nguyên liệu và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Thuận Quảng vốn là một trọng điểm của con đường tơ lụa (Silk Road) trên biển vốn có từ các kỷ nguyên trước, nay lại trở thành điểm đến được yêu thích của các thương nhân nước ngoài, tiêu biểu là thương nhân Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Nhật Bản, Trung Quốc...

Ngay từ những năm cuối thế kỷ XVI, chỉ sau hơn chục năm vào trấn thủ Thuận Hóa (từ 1570 là Thuận Quảng), chính sách thu phục nhân tâm, ổn định tình hình an ninh, phát triển sản xuất của Nguyễn Hoàng đã đưa lại những kết quả to lớn: "Nhân dân an cư lạc nghiệp, chợ không bán hai giá, không có trộm cướp, thuyền buôn các nước đến nhiều, trấn trở nên một nơi đô hội lớn[47].

Nguyễn Hoàng đã có thái độ hết sức tích cực, chủ động đối với thương nhân nước ngoài. Một số tư liệu lịch sử cho thấy, thương nhân châu Âu khi đến Đàng Trong đều được Nguyễn Hoàng chủ động gặp gỡ; ông lắng nghe nguyện vọng của họ, tặng quà cáp, mời gọi họ đến buôn bán, trao đổi[48].

Nguyễn Hoàng còn đặc biệt chú ý đến thương nhân các nước trong khu vực. Thương nhân người Hoa được tạo nhiều điều kiện ưu ái khi đến buôn bán ở Việt Nam, và trên thực tế họ đã đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc điều phối, lưu thông các nguồn hàng hóa của Đàng Trong ra bên ngoài thông qua hệ thống cảng biển, đặc biệt là Hội An[49]. Nhưng trong thời kỳ chúa Tiên, đối tượng được ông dành cho sự quan tâm chú ý nhiều nhất lại là các thương nhân Nhật Bản. Đây là một điểm khá đặc biệt vì hồi bấy giờ Nhật Bản vẫn còn khá xa lạ đối với Việt Nam. Chỉ với tầm nhìn vượt thời đại và một sự mẫn cảm đặc biệt về kinh tế mới khiến cho Nguyễn Hoàng nhận ra đây là đối tác quan trọng nhất mà ông cần phải kết nối và gắn bó.

Văn thư trao đổi qua lại giữa chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong với phía Nhật Bản, chủ yếu trong khoảng cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII, cho thấy thái độ tích cực, chủ động của Nguyễn Hoàng và chính quyền Đàng Trong hồi bấy giờ đối với ngoại thương. Họ Nguyễn ở Đàng Trong tuy bắt đầu "chạm mặt" với người Nhật bằng một vụ xung đột đáng tiếc với thương nhân Bạch Tân Hiển Quý tại Cửa Việt vào năm 1585 và năm 1599, nhưng Nguyễn Hoàng đã chủ động viết thư dàn hòa với lời lẽ rất khôn khéo. Đáp lại, Mạc phủ Đức Xuyên Gia Khang (Tokugawa Ieyasu) của Nhật Bản cũng sáng suốt biết dẹp qua bên sự hiềm khích này để bắt tay cùng chúa Nguyễn, mở cửa cho thương thuyền từ Nhật Bản đến Thuận Quảng buôn bán. Chính nhờ thái độ chủ động tích cực này đã gây dựng được niềm tin cho cả hai phía, đây là cơ sở vững chắc cho mối quan hệ tốt đẹp giữa Đàng Trong và Nhật Bản, từ đó tạo nên trào lưu "Châu ấn thuyền" từ Nhật Bản đến Đàng Trong sau đó[50].

Buôn bán trao đổi với người Nhật Bản đã mang lại những nguồn lợi rất lớn cho Thuận Quảng. Thương nhân Nhật mang đến vũ khí (gươm, đao, thuốc súng, đại bác- là những thứ mà quân đội chúa Nguyễn rất cần), đồ trang sức, đồ gốm sứ... -và mua các sản phẩm đặc trưng của Đàng Trong như hồ tiêu, các loại hương liệu, các sản phẩm nông nghiệp, hàng thủ công truyền thống... Theo Critoforo Borri, giá trị thương phẩm trên mỗi chiếc thuyền Nhật Bản lên đến 4-5 triệu bạc[51].

Trong bối cảnh đầy biến động của xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII, Nguyễn Hoàng đã nổi lên như một nhân vật đặc biệt, ông là người có công lao to lớn trong việc ổn định và phát triển vùng đất Thuận Quảng về mọi mặt, mở rộng bờ cõi về phía Nam, đặt nền móng cho sự ra đời của Đàng Trong.

Nguyễn Hoàng, với tầm nhìn vượt thời đại của mình đã chủ động tích cực trong việc phát triển nền kinh tế ngoại thương, chủ động mời gọi, tạo điều kiện cho thương nhân nước ngoài đến làm ăn buôn bán song song với việc ổn định, phát triển nền kinh tế nông nghiệp và sản xuất hàng hóa trong nước. Ông đã biến Thuận Quảng từ một vùng đất nghèo khó, lạc hậu nền nền kinh tế ở trình độ rất thấp trở thành một vùng đất trù phú, giàu có với tiềm lực mạnh mẽ, trở thành một nơi "đô hội lớn" không chỉ của Việt Nam mà còn là một trọng điểm trên con đường thương mại Đông Tây thời bấy giờ.

Sau khi vào trấn thủ đất Thuận Hóa, rồi sau là Thuận Quảng, Nguyễn Hoàng đã tổ chức bộ máy chính quyền và ban hành, thực thi những chính sách cai trị phù hợp, bao gồm cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Chính điều đó đã làm thay đổi căn bản vùng đất Thuận Quảng trên tất cả các lĩnh vực. Đây là cơ sở nền tảng để các đời chúa Nguyễn về sau thực hiện chính sách độc lập với Đàng Ngoài, hùng cứ và mở rộng đất phương Nam, tạo nên những thay đổi to lớn trong sự phát triển của lịch sử dân tộc Việt Nam. ■

CHÚ THÍCH

1. Phan Huy Lê (2014), "Quảng Trị- đất dựng nghiệp của chúa Nguyễn Hoàng", in trong sách *Nguyễn Hoàng, người mở cõi*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 538.
2. Quốc Sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.28. Xứ Thanh Hoa là 1 trong 13 xứ Thừa tuyên do Lê Thánh Tông lập ra năm 1490, từ năm 1841 trở đi đổi tên thành Thanh Hóa do húy tên bà Hồ Thị Hoa, mẹ vua Thiệu Trị.
3. Tương truyền khi đoàn quân của Nguyễn Hoàng vào đến bãi cát trắng ở xã Ái Tử, nhân dân địa phương đã đến đón mừng và dâng lên 7 vò nước trong. Nguyễn Ư Dĩ (Kỷ) đã tâu rằng: "Đấy là phúc trời cho đó. Việc trời tất có hình tượng. Nay chúa thượng mới đến mà dân đem "nước" dâng lên, có lẽ là điềm "được nước" đó chăng? Nguyễn Hoàng bèn nhận 7 chum nước ấy và cho đóng dinh tại Ái Tử. Quốc Sử quán triều Nguyễn (1997), *Đại Nam liệt truyện*, Bản dịch của Viện Sử học, t.1, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr83.
4. *Đại Nam thực lục* có chép việc Nguyễn Hoàng sai người đến hỏi Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm, người bấy giờ nổi danh là bậc học rộng lại giỏi nghề thuật số. Trạng Trình đang dạo trước sân, nhìn hòn non bộ ngâm lớn "Hoành sơn nhất đải, vạn đại dung thân" (một dải núi ngang có thể dung thân muôn đời). Nghe thuật lại, Nguyễn Hoàng hiểu ý, từ đó mới nhờ chị mình xin Trịnh Kiểm cho vào trấn thủ đất Thuận Hóa, tức là vùng đất phía bên kia đèo Ngang. Quốc Sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Sđd, t.1, tr.27.
5. Dương Văn An (2001), *Ô Châu cận lục*, Bản dịch của Trần Đại Vinh và Hoàng Văn Phúc, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 41-63.
6. Phan Khoang (2001), *Việt sử xứ Đàng Trong*, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr.110.
7. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Sđd, t.1, tr.28
8. Lương Văn Chánh (?- 1611) vốn là quan triều Lê đã theo Nguyễn Hoàng vào Thuận Hóa năm 1558, ông là người có công lớn trong việc đánh bại quân đội Champa xâm lấn biên giới năm 1578, sau đó được phong chức Đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân, tước Phù nghĩa hầu. Cả cuộc đời ông từ đó về sau gắn bó với việc chiêu tập dân cư, khai hoang mở đất ở biên giới phía Nam, từ Bình Định đến Phú Yên ngày nay. Sau khi ông mất được phong thần và được nhân dân lập miếu thờ. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1997), *Đại Nam liệt truyện*, bản dịch của Viện Sử học, t1, Nxb. Thuận Hóa, tr. 96-97.
9. Trương Công Gia vốn là quan triều Lê, đã đưa gia quyến tình nguyện đi theo Nguyễn Hoàng vào Thuận Hóa, có công lớn khi làm Trấn thủ Quảng Bình. Họ Trương Công về sau được chúa Nguyễn cho đổi chữ lót thành Trương Phúc. Con trai ông là Trương Phúc Phấn, cháu là Trương Phúc Hùng, Trương Phúc Cương, chắt là Trương Phúc Thức, Trương Phúc Phan… đều là những danh tướng của chúa Nguyễn. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1997), *Đại Nam liệt truyện*, Sđd, t.1, tr.132-135.
10. Bùi Tá Hán (1496-1568) là một danh thần triều Lê Trung Hưng. Năm 1545, ông được vua Lê phong làm Bắc quân Đô đốc, sai đem quân đi đánh dẹp quân Mạc, vỗ yên đất Quảng Nam. Năm 1546, sau khi bình định được vùng đất này, ông được phong là Trấn thủ xứ Quảng Nam và giữ nhiệm vụ này cho đến khi qua đời 22 năm sau đó. Bùi Tá Hán có công lớn trong việc chiêu mộ dân cư, khai phá vùng đất cực nam của Tổ quốc hồi bấy giờ. Nguyễn Hoàng và Bùi Tá Hán đã có quan hệ thâm tình khi cả hai còn ở Thanh Hóa. Sau khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa, giữa hai bên càng thắt chặt quan hệ hợp tác hỗ trợ lẫn nhau. Quốc sử quán triều Nguyễn (1997), *Đại Nam liệt truyện*, t.1, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Thuận Hóa, Huế. Mai Đình Dũng (1996), *Phủ tập Quảng Nam ký sự*, Sở Văn hóa Thông tin Quảng Ngãi.
11. Lê Quý Đôn (2007), *Phủ biên tạp lục*, bản dịch của Viện Sử học, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr.62.
12. *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, *Đại Nam thực lục* đều chép về hiện tượng nhân dân vùng Thanh Nghệ xiêu dạt vào Nam sau các nạn đói lớn do lụt lội, mất mùa, như nạn đói năm 1559, 1572… trong khi đó vùng Thuận Quảng lại được mùa liên tiếp nhiều năm, giá thóc gạo rẻ.
13. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Sđd, t.1, tr.31
14. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Sđd, t.1, tr.29.
15. Từ năm 1471, sau khi lấy lại vùng đất Thăng Hoa bị quân Champa chiếm, Lê Thánh Tông đã lập ra Thừa Tuyên Quảng Nam bao gồm vùng đất từ phía nam sông Thu Bồn đến chân đèo Cù Mông, hai xứ Thuận Hóa, Quảng Nam bắt đầu đặt Tam ty để cai trị. Tam ty là Đô ty, Thừa Ty và Hiến ty. Nguyễn Hoàng vẫn giữ nguyên mô hình bộ máy này. Mãi đến năm 1614, Nguyễn Phúc Nguyên mới bãi bỏ mô hình Tam ty, sử dụng mô hình quản lý mới.
16. Quốc Sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Sđd, tr. 29.
17. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1997), *Đại Nam liệt truyện*, Sđd, t.1, tr.96-97.
18. Nguyễn Nguyên là con trai thứ 6 của Nguyễn Hoàng, sau khi kế vị cha (1613) mới dùng chữ "Phúc" làm quốc tính. Do húy âm "phúc" nên từ đó mới đọc trại thành âm "Phước". Dòng họ Nguyễn Phước mới bắt đầu từ đó.
19. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Sđd, t.1, tr.31.
20. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Sđd, t.1, tr.32.
21. Đến nay một số làng xã tại Thừa Thiên Huế vẫn còn bảo lưu được địa bạ lập vào các năm 1596, 1606… Trần Đại Vinh (2014), *Nguyễn Hoàng người kiến tạo cho cơ nghiệp nhà chúa ở Đàng Trong*, in trong Phan Huy Lê - Đỗ Bang (Chủ biên) (2014): *Nguyễn Hoàng người mở cõi*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.115.
22. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Sđd, t.1, tr.33.
23. Trong thời gian ở miền Bắc, Nguyễn Hoàng dù được thăng chức nhưng phải thường xuyên đi đánh dẹp tàn quân nhà Mạc. Trịnh Tùng ngày càng lấn át vua Lê và tìm cách hạn chế thực lực của Nguyễn Hoàng. Năm Đinh Dậu (1597), Trịnh Tùng sai Thẳng quận công Mai Cẩu vào làm Tổng binh Thuận Hóa. Tháng 4 năm Kỷ Hợi (25/4- 23/5/1599), Trịnh Tùng buộc vua Lê phong vương, từ đó lập phủ riêng, nắm mọi quyền điều hành, vua Lê chỉ còn là bù nhìn. Tháng 8 năm đó, sau khi Lê Thế Tông băng hà, Trịnh Tùng không chọn con trưởng mà lập con thứ của Lê Thế Tông là Duy Tân mới có 11 tuổi lên kế vị để thêm dễ bề thao túng.
24. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Sđd, t.1, tr.34-35.
25. Sự kiện Nguyễn Hoàng đào thoát vào Thuận Hóa đã làm cả triều đình Lê -Trịnh kinh động, Trịnh Tùng nghi ngờ ông đem quân vào chiếm Tây Đô (Thanh Hóa) nên vội mang đại binh rước vua Lê về đây trấn giữ, con trai và cháu nội của Nguyễn Hoàng với vai trò là con tin phải thuyết phục Trịnh Tùng rằng Nguyễn Hoàng chỉ trở về Thuận Hóa để bảo vệ đất đai của vương triều. Sau sự kiện này, vua Lê (thực chất là Trịnh Tùng) sai Thiêm đô ngự sử Lê Nghĩa Trạch đem sắc vào phủ dụ, vẫn để Nguyễn Hoàng làm trấn thủ hai xứ Thuận Quảng, hàng năm nộp nghĩa vụ thuế má. Đáp lại, Nguyễn Hoàng đã hậu đãi sứ giả, sai sứ ra tạ ơn vua Lê và viết thư hẹn kết nghĩa thông gia với Trịnh Tùng. Tháng 10 năm đó, ông đã gả con gái là Ngọc Tú cho con trai cả của Trịnh Tùng là Trịnh Tráng. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Sđd, t.1, tr.35.
26. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Sđd, t.1, tr.36.
27. Nguyễn Khoa Chiêm (2003), *Nam triều công nghiệp diễn chí*, Nxb. Hội nhà văn, Hà Nội, tr.26.
28. Quốc Sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Sđd, t.1, tr. 28.
29. Hiện vẫn còn tư liệu phản ánh về một cộng đồng các họ tộc có nguồn gốc từ làng Lương Niệm Nghệ An được Nguyễn Hoàng phân công phòng thủ cửa biển Tư Hiền, về sau lập nên làng Mỹ Lợi (nay thuộc huyện Phú Lộc, Thừa Thiên Huế). Trần Đại Vinh (2014), *Nguyễn Hoàng, người kiến tạo nền móng cơ nghiệp nhà chúa ở Đàng trong*, in trong Phan Huy Lê - Đỗ Bang (chủ biên), *Nguyễn Hoàng, người mở cõi*, Sđd, tr.112.
30. Trần Đại Vinh (2014), *Nguyễn Hoàng, người kiến tạo nền móng cơ nghiệp nhà chúa ở Đàng trong*, in trong Phan Huy Lê - Đỗ Bang (chủ biên): *Nguyễn Hoàng, người mở cõi*, Sđd, tr.112-113.
31. Theo một số tài liệu, Joao da Cruz đã đến Đàng Trong và được chúa Nguyễn cho phép lập một cơ sở đúc súng thần công và các sản phẩm bằng đồng tại Thuận Hóa trước năm 1615 (Lê Thành Khôi, *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỷ XX*. Nxb. Nhã Nam- Thế giới, tr.306).
32. Lê Thành Khôi (2014), *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỷ XX*. Sđd, tr305.
33. Mai Đình Dũng đúng ra là họ Nguyễn, là con nuôi của Nguyễn Ư Dĩ (Kỷ) - cậu ruột của Nguyễn Hoàng. Năm 1558, ông cùng cha mình theo Nguyễn Hoàng vào Thuận Hóa. Trong sự nghiệp của mình, Mai Đình Dũng đã có nhiều công lao lớn, nhiều năm được giao trấn giữ đất

Quảng Nam, được thăng đến chức Thái bảo quận công. Con trai ông là Đình Hùng cũng kế tục cha lập nhiều công lao, được phong đến Quận công. Quốc sử quán triều Nguyễn (1997), *Đại Nam chính biên liệt truyện*, Sđd, t.1, tr.84-85.

34. Quốc Sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Sđd, t.1, tr. 31.

35. Quốc Sử quán triều Nguyễn (1997), *Đại Nam liệt truyện*, Sđd, t. 1, tr.96-97.

36. Chỉ dụ này được ban hành vào ngày 6 tháng 2 năm Quang Hưng thứ 20 (23/ 3/1597), đóng dấu Tổng trấn tướng quân chi ấn, nội dung: "Dạy Phù Nghĩa hầu Lương Văn Chánh đã giữ việc quân lâu ngày có công trạng, quyền coi huyện Tuy Viễn, trấn An Biên rằng: Hãy liệu đem số dân xã Bà Thê đã trục vào hạng dân và các thôn phường khách hộ theo hầu công việc, lấy riêng số dân khách hộ đến các xứ Cù Mông, Bà Đài, Bà Diễn, Đà Niễu, trên từ nguồn mọi dưới đến cửa biển, kết lập gia cư địa phận, khai khẩn ruộng đất hoang cho tới khi thành thục sẽ nạp thuế như thường. Nhược bằng vì việc mà nhiễu dân, điều tra sẽ bị xử tội". Trần Viết Ngạc (1999), *Về một công văn của Tổng trấn Thuận Quảng Nguyễn Hoàng năm 1597* in trong *Nghiên cứu Huế*, tập 1, Trung tâm nghiên cứu Huế xuất bản.

37. Vùng đất này vốn thuộc tiểu quốc Hoa Anh, do Lê Thánh Tông lập ra sau cuộc nam chiến thắng lợi năm 1471. Hoa Anh là một vương quốc thần phục Đại Việt và được xem là vùng đất đệm giữa Champa và Đại Việt. Sau khi Lương Văn Chánh đánh bại quân Champa, ông đã đưa cư dân Việt vào đây định cư, lập làng xã. Văn Chánh chia vùng đất này thành 3 khu vực, mỗi khu vực đều có người trông coi, điều hành việc khai khẩn: Khu vực từ Cù Mông đến Vũng Lấm thì khai thác toàn diện các yếu tố tự nhiên như sông, đầm, vịnh, đồng bằng, rừng núi; khu vực từ Bà Đài (Xuân Đài) đến châu thổ sông Cái thì khai thác trọng tâm vùng bán sơn địa; khu vực từ Bà Diễn (Đà Rằng), Đà Nông đến đèo Cả là vùng rừng núi rậm rạp hoang vu, ao đầm sinh lầy, cư dân phải từng bước khai hoang, vỡ đất để lập làng. Nguyễn Thị Hiệp Ngọc (2005), *Phú Yên dưới thời các chúa Nguyễn (1578-1773)*, Luận văn thạc sĩ sử học, Trường Đại học Khoa học Huế, tr. 30-31.

38. Quốc Sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Sđd, t.1, tr.36.

39. Bạch Tăn Hiển Quý (Shirahama Kenki) vốn là một thương gia Nhật Bản nhưng cũng tham gia hoạt động cướp biển- một đặc điểm của hải phỉ Nhật Bản (Nụy khấu) hồi bấy giờ. Năm 1585, Shirahama Kenki phải tháo chạy sau khi bị quân đội Nguyễn Hoàng do Nguyễn (Phước) Nguyên chỉ huy đánh bại. Đến năm 1599, Shirahama Kenki lại đến Thuận An cướp bóc nhưng đội binh thuyền của y bị mắc cạn và bị quân đội Nguyễn Hoàng bắt sống toàn bộ, giam giữ tại Thuận Hóa. Năm 1601, Nguyễn Hoàng có ý định trả y và thuộc hạ cho chính quyền Mạc phủ Tokugawa để đặt mối quan hệ giao hảo với Nhật Bản. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2002): *Đại Nam thực lục*, Sđd, t.1, tr.32. Phan Thanh Hải (2007), "Quan hệ giữa Việt Nam và Nhật Bản thế kỷ XVI-XVII nhìn từ 35 bức văn thư ngoại giao", in trong Trường Đại học KHXHVN, *Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XVI-XVII*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 249. Nguyễn Quang Trung Tiến (2015), "Những tồn nghi quanh nỗ lực bang giao giữa Nguyễn Hoàng với Nhật Bản cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII" in trong *Lịch sử và triển vọng mối quan hệ Việt Nam- Nhật Bản nhìn từ miền Trung Việt Nam*, Nxb. Thông tin và Truyền Thông, Hà Nội.

40. Với nhiều năm nghiên cứu về vấn đề này, Andrew Hardy cho rằng, trong khoảng từ thế kỷ XVI-XVIII, nền kinh tế của các chúa Nguyễn ở Đàng Trong là một "nền kinh tế lai tạp" giữa hai mô hình kinh tế khác biệt: Kinh tế Champa dựa vào trao đổi buôn bán hàng hóa có giá trị cao giữa miền núi và miền biển, theo định hướng Đông-Tây, và mô hình kinh tế Việt Nam truyền thống là kinh tế trồng lúa và di dân, theo định hướng Bắc-Nam. Chính hệ thống kinh tế lai tạp này là nhân tố chủ chốt trong sự thành công và trường tồn của chế độ các chúa Nguyễn. Xem Andrew Hardy (2008), "Nguồn trong kinh tế hàng hóa ở Đàng Trong, in trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học" *Chúa Nguyễn và Vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*, Nxb. Thế Giới, tr. 56 và 64.

41. Theo Dương Văn An trong *Ô châu cận lục*, cho đến giữa thế kỷ XVI, toàn bộ Thuận Hóa (không kể huyện Điện Bàn, đến năm 1604 mới tách ra để nhập vào Trấn Quảng Nam) mới có 522 thôn xã, thì đến năm 1773, Lê Qúy Đôn trong *Phủ biên tạp lục* đã thống kê có đến 882 xã thôn, phường, tăng đến 360 xã thôn.

42. Huỳnh Công Thiệu người huyện Tống Sơn, phủ Hà Trung, Thanh Hóa, theo Nguyễn Hoàng vào Thuận Hóa, được phong chức Chánh đề lãnh, tước Vũ Sơn hầu. Ông được chúa Tiên giao cai quản vùng đất phủ Tư Nghĩa. Huỳnh Công Thiệu có công lớn trong việc mộ dân lập ấp, khai phá các vùng đất thuộc các xã Phổ Ninh, Phổ Minh, thị trấn Đức Phổ và các vùng phụ cận phía đông, phía tây xã Hòa Phổ cho đến đèo Bình Đê, giáp ranh Bình Định. Tổng số đất do ông chỉ huy khai khẩn lên đến hơn 2000 mẫu. Về sau, ông hy sinh khi đang cầm quân đi đánh Champa. Ông được triều Nguyễn phong là Dực Bảo Trung Hưng Linh Phù chi Thần. Tộc phả họ Huỳnh hiện lưu giữ ở xã Phổ Ninh, Phổ Minh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Hoàng Đình Hiếu (2009), *Chúa Tiên Nguyễn Hoàng (1525-1613), Sáng tổ vương quốc nhà Nguyễn*, Sđd, tr.322-323.

43. Chẳng hạn vùng Quảng Trị đã có các sản phẩm địa phương khá nổi tiếng như dầu sơn, dầu rái ở tổng Bái Trời, dầu lạc ở Cam Lộ, chiếu cói Xuân Lâm, đồ đan lát ở Lan Đình, đồ mộc ở Cát Sơn, đồ gốm sành ở Sa Lung, Phước Lý, đồ sắt công cụ ở Đông Hà, Thượng Đô, vải ở Lập Thạch, Trâm Lý, bún ở Thượng Trạch, nón ở Bố Liêu, rượu ở Kim Long, bánh ướt ở Phương Lang... Lê Đức Thọ (2013), *Các tuyến thương mại mậu dịch ở Quảng Trị dưới thời các chúa Nguyễn*, Sđd, tr.188.

44. Dương Văn An (2001), *Ô châu cận lục tân dịch hiệu chú*, bản dịch và hiệu chú của Trần Đại Vinh và Hoàng Văn Phúc, Sđd, tr. 29-32.

45. Chỉ đóng thủ phủ tại khu vực Ái Tử/ Trà Bát/ Dinh Cát, Nguyễn Hoàng mới khống chế được cả tuyến đường Thiên lý bắc nam và hành lang kinh tế đông tây. Cả 3 dinh Ái Tử, Trà Bát và Dinh Cát đều nằm sát bên con đường Thiên Lý từ Bắc vào Nam. Xem các bản đồ cổ về vùng Thuận Hóa như *Thiên Nam Tứ chí Lộ đồ thư* 天南四至路圖書 (vẽ năm 1686), *Giáp Ngọ niên Bình Nam đồ* 甲午年平南圖 (được cho là vẽ vào năm Giáp Ngọ 1774, riêng Li Tana cho rằng vẽ vào cuối thế kỷ XVII, khoảng từ năm 1687-1690) đều có thể thấy rõ điều này. Lê Quý Đôn trong *Phủ biên tạp lục* 撫邊雜錄cũng mô tả trấn dinh của họ Nguyễn (dinh Ái Tử năm 1775) và cựu dinh Ái Tử đều nằm gần đường Thiên Lý. Kết quả khảo sát thực địa hiện nay cũng đã xác định rõ các vị trí này đều nằm kế cận tuyến giao thông cả đường thủy và đường bộ từ Bắc vào Nam. Phan Thanh Hải (1997), *Hệ thống Thủ phủ các chúa Nguyễn trên đất Quảng Trị và Thừa Thiên- Huế, Thông tin Khoa học và Công nghệ Thừa Thiên- Huế*, số 1, Phần I: "Những thủ phủ đầu tiên trên đất Quảng Trị: Ái Tử, Trà Bát, Dinh Cát", Huế.

46. Cristoforo Borri (1998), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Sđd, tr.91.

47. Quốc Sử quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục*, Sđd, t1, tr.31.

48. Li Tana, Anthony Reid (2007), *Southern Vietnam under the Nguyen, Documents on the economic History of Cochinchina (Đàng Trong) 1602-1777*, Ibid, p.9-11.

49. Xem *Phủ biên tạp lục* có thể thấy rõ thương nhân người Hoa đóng vai trò then chốt trong việc lưu thông phân phối nguồn hàng ở mọi nơi, họ có mặt ở hầu hết các chợ đầu mối ở Đàng Trong, họ cũng là lực lượng chính để xuất khẩu hàng hóa từ Đàng Trong qua Trung Quốc và các nước Đông Nam Á.

50. Phan Thanh Hải (2007), *Quan hệ giữa Việt Nam và Nhật Bản thế kỷ XVI-XVII nhìn từ 35 bức văn thư ngoại giao in trong Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XVI-XVII*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội, tr.249.

51. Cristoforo Borri (1998), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, sđd, tr90.